TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TAM KỲ** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2024/HS-ST
Ngày 23-4-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM KỲ - TỈNH QUẢNG NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc Thiện**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Hữu Tin**

Ông **Nguyễn Văn Thông**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Phạm Thị Mùi** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ tham gia phiên tòa*: Bà **Nguyễn Thị Thu Hiền** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam tiến hành mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 40/2024/TLHS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2024/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ tên: **Trần Văn L,** giới tính: nam, tên gọi khác: không. Sinh ngày: 28 tháng 3 năm 1993, tại: T, Quảng Nam. HKTT và chỗ ở hiện nay: khối phố T, phường H, TP ., tỉnh Quảng Nam. Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không. Trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: lái xe múc. Con ông: Trần Hảo (đã chết), con bà: Nguyễn Thị L1 (sinh năm: 1964), nghề nghiệp: buôn bán tại khối phố T, phường H, TP ., tỉnh Quảng Nam. Gia đình có 5 người con, bị cáo là con thứ 3. Bị cáo sống chung như vợ chồng với Huỳnh Thị L2 (không đăng ký kết hôn) có con: Huỳnh Văn K (sinh năm: 2013), trú tại: thị trấn T, huyện B, tỉnh Quảng Nam.

Tiền án: ngày 19/3/2015, bị TAND TP. Tam Kỳ xử phạt 24 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". L đã chấp hành xong hình phạt tù. Chưa chấp hành xong phần bồi thường dân sự.

Tiền sự: không;

Nhân thân:

- Ngày 13/6/2006, bị UBND thị xã T áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường G, thời hạn 24 tháng.

- Ngày 16/5/2017, bị Công an thành phố T ra Quyết định xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

- Ngày 04/7/2017, bị TAND TP. Tam Kỳ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 15 tháng.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 13/9/2023, bắt tạm giam từ ngày 02/11/2023, hiện đang bị tạm giam tại Nhà Tạm giữ Công an thành phố T. Có mặt.

- Bị hại:

+ Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm: 1985, địa chỉ: khối phố M, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Thu T1, sinh năm: 1982, địa chỉ: tổ H, khối phố P, Phường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm: 1964, địa chỉ: khối phố T, Phường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

+ Ông Phan Nguyễn Phương Đ, sinh năm: 1994, địa chỉ: tổ Đ, thị trấn T, huyện B, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

+ Ông Đào Việt L3, sinh năm: 1997, địa chỉ: khối phố T, Phường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

+ Ông Cao Trần M, sinh năm: 1996, địa chỉ: thôn K, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

+ Ông Lê Phước T2, sinh năm: 1997, địa chỉ: khối phố A, phường V, T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

+ Ông Lê Văn K1, sinh năm: 1945, địa chỉ: khối phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt

+ Bà Lê Thị Thanh T3, sinh năm: 1994, địa chỉ: khối phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

+ Ông Bùi N, sinh năm: 1965, địa chỉ: khối phố P, phường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn L đã từng bị kết án về tội "Trộm cắp tài sản", chưa chấp hành xong phần bồi thường thiệt hại (chưa xóa án tích) mà lại tiếp tục thực hiện 02 vụ "Trộm cắp tài sản" trên địa bàn thành phố T, cụ thể như sau:

+ Vụ thứ 1: khoảng 01 giờ 50 phút ngày 05/7/2023, Trần Văn L điều khiển xe mô tô hiệu Sirius biển kiểm soát 92B1-50756 chở theo 01 can nhựa dung tích 30 lít đến công trình san lấp mặt bằng của công ty TNHH X đang thi công tại KCN T tại khối phố T, phường H, TP . nhằm mục đích trộm cắp dầu diesel (nguyên liệu vận hành xe múc) trong xe múc của công ty X đang đỗ tại đây. L điều khiển xe mô tô đi trên đường T nối dài hướng từ P - T đến ngã tư K thì đi vào đường nhựa cũ rồi dừng xe tại bụi cây bên đường, nhìn thấy bên trái có xe múc biển kiểm soát 92XA-0625 của anh Nguyễn Hữu T (sinh năm: 1985, trú tại KP. M, phường A, TP .) đang đỗ tại công trình đang thi công. L nhặt một đoạn dây nhựa ống nước màu đà, dài 1,5 mét tại khu vực đổ bê tông và đem theo

can nhựa đã chuẩn bị sẵn đi lại chỗ xe múc của anh T. Lai lấy miếng vải cũ có sẵn trên xe rồi lót miếng vải vào van xả của thùng nhiên liệu. L dùng tay mở van xả của thùng chứa nhiên liệu của xe múc rồi nối ống dây nhựa vào đầu van xả, còn đầu kia dẫn vào can nhựa để dầu chảy vào can, khoảng 10 phút thì dầu chảy đầy can được 30,347 lít. L dùng miếng vải bịt đầu van xả của thùng nhiên liệu lại rồi đem can dầu ra chỗ bụi cây gần xe mô tô cất giấu cách đó khoảng 20m. L đi xung quanh tìm được 01 can nhựa đựng chất thải cách đó khoảng 10 mét, L đổ hết chất thải trong can ra rồi đem lại xe múc để tiếp tục lấy dầu. Khi L đang chiết dẫn dầu từ thùng nhiên liệu vào can nhựa thứ 2 được 2,043 lít, thì có bảo vệ công trình đi từ nhà kho gần đó ra. L sợ bị phát hiện nên chạy lại chỗ xe mô tô rồi điều khiển xe bỏ chạy. Sau đó, anh Nguyễn Hữu T tìm thấy 02 can nhựa có chứa dầu bên trong (01 can chứa đầy dầu, 01 can chứa khoảng vài lít dầu). Anh T đổ lại dầu vào xe múc để sử dụng đồng thời báo cơ quan Công an.

Khoảng 01 giờ ngày 14/7/2023, Trần Văn L nhờ Phan Nguyễn Phương Đ (sinh năm: 1994, trú tại tổ Đ, TT. T, huyện B) chở đến chỗ làm. Đ điều khiển xe máy hiệu Drum (kiểu dáng Dream) biển kiểm soát 92K6-0425 đến đón L, L mang theo 02 can nhựa và 01 sợi dây ống nước bằng nhựa màu xanh với mục đích mang theo đến chỗ làm để đó khi nào có chỗ sơ hở thì trộm dầu diesel để bán lại. Khi đang lưu thông trên đường N đoạn qua KP. X, phường T, TP . thì bị Tổ tuần tra Công an T phát hiện. L đã tự khai ra lần phạm tội trước đó.

Tại Cơ quan điều tra, Trần Văn L và Nguyễn Hữu T xác định lượng dầu diesel chứa trong 02 can nhựa mà L đã trộm cắp được bằng cách đánh dấu vị trí mức dầu lấy được từ xe múc lên 02 can nhựa. Ngày 08/8/2023, Cơ quan CSĐT tiến hành xác định thể tích dầu diesel mà Lai trộm cắp được vào ngày 05/7/2023 với tổng thể tích là 32,39 lít.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 76/KL-HĐĐGTS ngày 22/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong T4 xác định: 32,39 lít dầu diesel 0,05s tại thời điểm bị mất trộm có giá trị 588.202 đồng *(Năm trăm tám mươi tám nghìn hai trăm lẻ hai đồng).*

* Tang vật tạm giữ:

- Anh Nguyễn Hữu T giao nộp: 01 *(một)* can nhựa dung tích 30 lít, van màu đỏ, trên thân can có dòng chữ CTY SX CAN NHỰA HƯƠNG PHÁT *(đã qua sử dụng);* 01 *(một)* can nhựa dung tích 30 lít màu đà, van màu đà, trên thân can có dòng chữ DẦU ĂN CON KÉT Naky daco *(đã qua sử dụng);* 01 *(một)* đoạn dây ống nước bằng nhựa màu đà, dài 1,5 mét *(đã qua sử dụng);*

- Thu giữ từ Trần Văn L: 02 *(hai)* can nhựa dung tích 30 lít, có van mở màu đỏ *(đã qua sử dụng);* 01 *(một)* sợi dây ống nước bằng nhựa màu xanh, đường kính 1,5cm, chiều dài 1,6m.

- 01 *(một)* xe mô tô nhãn hiệu DRUM màu nâu, biển kiểm soát: 92K6-0425, số khung: DU100200030060, số máy: LC150FMG1A00020160.

+ **Vụ thứ 2:** khoảng 21 giờ ngày 28/10/2023, Trần Văn L đi bộ một mình qua nhà người quen tại khối phố M, phường H, thành phố T để lấy tiền nợ nhưng không gặp nên L ra về. Khi đi ngang qua nhà chị Nguyễn Thị Thu T1 (sinh năm: 1982) gần đường kênh thuộc Tổ H, khối phố P, phường H, TP ., tỉnh

Quảng Nam thấy có điện sáng trước sân, cổng khép hờ nên L nảy sinh ý định đi vào nhà tìm tài sản để trộm cắp. Lai nhìn thấy cửa trước nhà mở, trong nhà đang bật điện sáng nên đi vào bên trong, thấy gia đình chị T1 đang nằm ngủ, trên thành bếp có một cái ví tiền nam bằng da, màu đen và một chìa khóa xe. L đi đến lấy ví tiền và chìa khóa xe rồi đi ra trước hiên nhà. Lai mở ví tiền kiểm tra phát hiện trong ví có số tiền 28.000 đồng *(hai mươi tám nghìn đồng)* nên lấy bỏ vào túi quần và vứt ví lại chỗ hiên nhà. L tiếp tục lại dắt chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade, BKS: 92B1- 502.56 trong cốp xe có 01 giấy chứng nhận đăng ký xe và 01 hợp đồng bảo hiểm của chị Nguyễn Thị Thu T1 ra khỏi cổng nhà một đoạn rồi dùng chìa khoá lấy được trong nhà để mở khoá xe, khởi động xe bỏ chạy. Lai điều khiển xe mô tô trộm cắp được theo đường bê tông đến đường bờ kè thuộc khối phố P, phường H, TP . thì rẽ xuống một đường mòn cách đường bờ kè khoảng 100 mét đến khu rừng trồng keo lá tràm (đây là khu vực rừng trồng cách nhà dân khoảng 500m) để cất giấu xe.

L đi bộ đến cầu sắt và ngồi tại đây gọi điện cho Đào Việt L3 *(sinh năm: 1997; trú tại: khối phố T, phường H, TP ., tỉnh Quảng Nam)* để nhờ L3 tìm người bán chiếc xe trộm cắp được. L3 nói L đem xe đến nhà để L3 xem nhưng L sợ bị phát hiện nên không đem đến. Lai nhiều lần gọi điện nhưng L3 tắt máy không nghe. Đến khoảng 05 giờ ngày 29/10/2023, L đi bộ đến nhà L3 để tiếp tục nhờ L3 tìm người bán xe giúp. Khi nghe vậy thì L3 đồng ý và điện thoại cho Cao Trần M (*sinh năm 1996, trú thôn K, xã T, huyện P)* và nói M là đang nợ tiền người khác nhờ M cầm giúp chiếc xe Airblack với giá 7.000.000đ. M bảo L3 "đem xe lên xem thử". Lúc này L dẫn L3 đến khu rừng trồng gần chỗ giấu xe. L bảo L3 đứng tại đường bê tông ngoài bìa rừng còn L đi một mình vào bên trong lấy xe chạy ra (L3 không nhìn thấy vị trí L cất xe). L chở L3 đến xã T, huyện P để cầm xe cho M. Khi đến cách nhà M một đoạn Lai dừng lại và đem xe vào để tại căn nhà hoang, mở cốp xe lấy giấy tờ xe, vứt lại giấy phép lái xe và hợp đồng bảo hiểm tại đó rồi đi ra cùng với L3 đi bộ đến quán cà phê ngồi uống nước. L3 tiếp tục điện thoại cho M trao đổi việc cầm xe, Mến yêu cầu gửi hình ảnh xe nên L3 chụp hình gửi qua cho M rồi cùng L đi bộ vào nhà M.

Khi đến nhà M, M nói với L3 chỉ còn được 6.000.000đ thôi. L đồng ý và giảm thêm 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* là còn 5.700.000đ. Sau khi thống nhất giá, L3 mượn xe của M chở L đến chỗ để xe lấy xe về giao cho M. Từ thời điểm đó đến tối M giao đủ tiền cho L (chuyển khoản và tiền mặt). Lai cho L3 500.000đ, số tiền còn lại thì L3, L cùng nhau tiêu xài hết. Đến chiều ngày 30/10/2023, M điều khiển xe do L và L3 cầm ra Điện Bàn chơi, do thiếu tiền tiêu xài nên M đem chiếc xe mô tô nói trên cầm cho anh Lê Phước T2 *(sinh năm 1997, trú Khối phố A, phường V, thị xã Đ)* lấy số tiền 8.000.000 đồng *(tám triệu đồng)*.

*** Vật chứng tạm giữ:**

- 01 *(một)* xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade màu đen xám, biển kiểm soát 92B1- 502.56 *(kèm theo chìa khóa)*; 01 *(một)* giấy chứng nhận đăng ký xe số 004877 đứng tên Nguyễn Thị Thu T1, cấp ngày 17/12/2021 thu giữ từ Lê Phước T2.

- 01 (một) giấy phép lái xe hạng A2, 01 (một) hợp đồng bảo hiểm mang tên Nguyễn Thị Thu T1 thu giữ tại bụi cây gần ngôi nhà hoang tại xã T, huyện P.

- 01 điện thoại hiệu S A02S thu giữ từ Đào Việt L3.

- 01 điện thoại hiệu Oppo gắn sim 0347.403.676 thu giữ từ Trần Văn L.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 105/KL-HĐĐGTS ngày 02/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong T4 xác định: 01 *(một)* xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade màu đen xám, biển kiểm soát 92B1- 502.56 tại thời điểm bị mất trộm có giá trị 38.000.000 đồng *(Ba mươi tám triệu đồng).*

Về trách nhiệm dân sự:

+ Ông Nguyễn Hữu T, chị Nguyễn Thị Thu T1, ông Lê Văn K1 không yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự.

+ Anh Lê Phước T2 yêu cầu Cao Trần M trả lại số tiền 8.000.000đ, Cao Trần Mến yêu cầu Trần Văn L trả lại số tiền 5.700.000đ.

Cáo trạng số 48/CT-VKSTK-HS ngày 20/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ truy tố bị cáo Trần Văn L về tội *"Trộm cắp tài sản"* quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Văn L phạm tội *"Trộm cắp tài sản",* áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo từ 24 đến 30 tháng tù.

* Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, đề nghị:

+ Đối với 01 *(một)* xe mô tô nhãn hiệu DRUM màu nâu, biển kiểm soát: 92K6-0425, số khung: DU100200030060, số máy: LC150FMG1A00020160 qua điều tra xác định chiếc xe đứng tên ông Bùi N (sinh năm: 1965, trú tại: P, H, T, Quảng Nam), ông N đã bán lại chiếc xe nói trên cho một tiệm sửa xe. Sau đó ông Lê Văn K1 (sinh năm 1945, trú tại: Hồ N, H, T, Quảng Nam) đã mua lại sử dụng. Tối ngày 14/7/2023, con gái ông K1 là chị Lê Thị Thanh T3 (sinh năm: 1994, trú tại: Hồ N, H, T, Quảng Nam) đã cho Phan Nguyễn Phương Đ mượn. Việc Đ chở L mang theo công cụ để chuẩn bị phạm tội, ông K1, T3 và Đ đều không biết do vậy cơ quan CSĐT không đề cập xử lý đồng thời trả lại chiếc xe nói trên cho ông K1 là phù hợp nên không xem xét.

+ Cơ quan CSĐT đã trả lại cho chị Nguyễn Thị Thu T1 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade, BKS: 92B1- 502.56, 01 giấy đăng ký xe, 01 giấy phép lái xe và 01 hợp đồng bảo hiểm đứng tên Nguyễn Thị Thu T1 nên không xem xét.

- Tịch thu tiêu huỷ 04 can nhựa loại 30 lít đã qua sử dụng, 02 đoạn dây ống nước bằng nhựa (01 đoạn dài 1,5m, 01 đoạn dài 1,6m).

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại hiệu Oppo gắn sim 0347.403.676 thu giữ từ Trần Văn L.

- Truy thu sung ngân sách nhà nước từ Trần Văn L số tiền 28.000đ.

- Trả lại cho Đào Việt L3 01 điện thoại di động S A02S.

- Tiếp tục lưu hồ sơ 01 đĩa DVD lưu trữ đoạn video liên quan đến vụ trộm cắp tài sản trên;

- Buộc Cao Trần M trả lại số tiền 8.000.000đ cho Lê Phước T2, Trần Văn L có trách nhiệm bồi thường số tiền 5.700.000đ cho Cao Trần Mến .

Bị cáo không tranh luận, nhận tội, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] **Về tố tụng**:

[1.1] Tại phiên toà, vắng mặt các bị hại người có quyền lợi ,nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng Hình sự.

[1.2] Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] **Về nội dung**:

[2.1] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ truy tố.

[2.2] Căn cứ vào lời khai của bị cáo, vật chứng thu giữ, các tài liệu chứng cứ đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T thu giữ chứng minh qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo Trần Văn L đã từng bị kết án về tội "Trộm cắp tài sản", chưa chấp hành xong phần bồi thường thiệt hại (chưa được xóa án tích) mà lại tiếp tục thực hiện 02 vụ "Trộm cắp tài sản" trên địa bàn thành phố T, cụ thể: khoảng 01 giờ 50 phút ngày 05/7/2023, tại công trình san lấp mặt bằng của công ty TNHH X đang thi công tại KCN T tại khối phố T, phường H, TP ., Trần Văn L đã lén lút trộm cắp của anh Nguyễn Hữu T 32,39 lít dầu diesel 0,05s trị giá 588.202 đồng. Khoảng 21 giờ 00 phút ngày 28/10/2023, tại nhà chị Nguyễn Thị Thu T1 gần đường kênh thuộc Tổ H, khối phố P, phường H, TP ., tỉnh Quảng Nam, Trần Văn L đã trộm cắp của chị T1 số tiền 28.000đ, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade, BKS: 92B1- 502.56 trị giá 38.000.000đ trong cốp xe có 01 giấy chứng nhận đăng ký xe và 01 hợp đồng bảo hiểm.

Hành vi trên của bị cáo Trần Văn L đủ yếu tố cấu thành tội *"Trộm cắp tài sản"*, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát

nhân dân thành phố Tam Kỳ truy tố và luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.3] Xét tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra thì thấy: Quyền sở hữu tài sản của cá nhân luôn được pháp luật bảo vệ, bất kỳ ai có hành vi xâm phạm đều bị xử phạt nghiêm, bị cáo Trần Văn L là người có đầy đủ năng lực nhận thức được việc này nhưng cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng là hành vi nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng đến trật tự an toàn tại địa phương, do đó cần áp dụng loại hình phạt, mức hình phạt nghiêm minh, tương xứng với hành vi thực hiện để răn đe, giáo dục đồng thời ngăn ngừa chung cho xã hội.

[2.4] Xét các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản thuộc trường hợp "phạm tội 02 lần trở lên", bị cáo đã có một tiền án về tội "Trộm cắp tài sản" chưa được xoá án tích thuộc trường hợp "Tái phạm" nên Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015 khi quyết định hình phạt.

Về nhân thân: Bị cáo nhiều lần bị xử phạt vi phạm hành chính về nhiều loại hành vi, bị cáo có tiền án về tội nhưng chưa chấp hành xong về phần bồi thường dân sự, đã bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, do đó Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi quyết định hình phạt.

[2.5] Về áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự: Xét tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, xét về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo khi quyết định hình phạt.

[2.6] Về loại hình phạt áp dụng: Hành vi của bị cáo là cố ý, bị cáo đang có tiền án, có nhân thân xấu nên Hội đồng xét xử áp dụng loại hình phạt tù có thời hạn để cải tạo, giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt đều không có yêu cầu gì về dân sự nên không giải quyết. Buộc Cao Trần M trả lại số tiền 8.000.000đ cho Lê Phước T2, buộc bị cáo Trần Văn L có trách nhiệm bồi thường số tiền 5.700.000đ cho Cao Trần Mến .

[4] Những vấn đề liên quan trong vụ án:

+ Đối với chiếc xe Sirius biển kiểm soát 92B1-50756 qua điều tra xác định đứng tên bà Nguyễn Thị L1 (sinh năm: 1964, trú tại: T, H, T, mẹ ruột của L) việc L sử

dụng chiếc xe để đi thực hiện hành vi trộm cắp tài vào tối ngày 05/7/2023 bà L1 không biết do vậy Cơ quan CSĐT không đề cập xử lý.
+ Đối với Phan Nguyễn Phương Đ được L nhờ chở lên chỗ làm, Đ hoàn toàn không biết việc L mang theo can nhựa để đi trộm cắp dầu, do vậy Cơ quan CSĐT không đề cập xử lý.
+ Đối với Đào Việt L3: Qua điều tra Trần Văn L khai khi nhờ L3 tìm người cầm xe Lai có nói với L3 "*anh mới lấy được (hoặc lấy trộm – Lai không nhớ rõ) chiếc xe, nhờ em tìm người bán hay cầm gì cũng được*", việc L3 có nghe hay không L không biết. Khi L3 hỏi xe ở đâu thì L nói "*xe anh lấy chỗ phường*". Về phía Đào Việt L3, qua đấu tranh L3 không thừa nhận việc biết đây là tài sản do trộm cắp mà có, L3 chỉ nghĩ là xe Lai cầm giúp ai đó. Khi L nhờ tìm người bán hoặc cầm xe, L3 có hỏi xe của ai thì L nói "*xe của thằng phên anh – tức bạn bè ngoài xã hội nhờ đi cầm*". L3 có nói L đem xe vô xem thử nhưng L không đem vào. Lai nhiều lần gọi điện nhưng L3 không nghe điện thoại của L. Sáng hôm sau L tiếp tục vào nhà L3 để nhờ tìm chỗ cầm xe giúp. L3 hỏi xe của ai thì L nói xe của bà chị, yên tâm đi. Lúc này L3 mới tìm người cầm xe giúp L. Khi đến chỗ lấy xe, L3 đứng ngoài Lai vào dắt xe ra, L3 nghĩ L gửi xe nhà ai đó nên đem ra. Khi đem xe lên T việc giấu xe chỗ bụi cây là ý của L, giấy tờ xe do L cầm rồi giao cho M, L3 không biết. Tiến hành cho L3 và L đối chất nhưng L3 vẫn khẳng định không biết xe do L trộm cắp mà có, nếu biết L3 đã không cầm giúp. Mặc dù ý thức của Đào Việt L3 biết rõ xe mô tô nói trên không phải là tài sản của L nhưng không có căn cứ quy buộc L3 biết rõ xe đó do L phạm tội mà có. Do vậy chưa đủ căn cứ để xử lý đối với L3 về tội "Tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có". Cơ quan CSĐT sẽ tiếp tục xác minh làm rõ hành vi của Đào Việt L3 và đề nghị xử lý theo quy định pháp luật.+ Đối với Cao Trần M và Lê Phước T2: khi M nhận cầm xe từ Đào Việt L3 và Trần Văn L, T2 nhận cầm xe từ Mến thì M và T2 đều không biết chiếc xe là tài sản do trộm cắp mà có nên không có cơ sở xử lý đối với M và T2 về hành vi "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Tuy nhiên, việc Lê Phước T2 kinh doanh dịch vụ cầm đồ nhưng nhận cầm cố tài sản không chính chủ đã vi phạm quy định tại Nghị định 144/2021/NĐ-CP của Chính phủ. Do vậy Cơ quan CSĐT đã chuyển thông tin đến Công an phường Đ, thị xã Đ để xử lý hành chính theo thẩm quyền.

[5] Về án phí: Bị cáo Trần Văn L phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 47 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo **Trần Văn L** phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Xử phạt bị cáo **Trần Văn L** 24 (Hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 02/11/2023).

2. Về trách nhiệm dân sự:

- Buộc Cao Trần M trả lại số tiền 8.000.000đ cho Lê Phước T2, buộc Trần Văn L có trách nhiệm bồi thường số tiền 5.700.000đ cho Cao Trần Mến .

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu huỷ 04 can nhựa loại 30 lít đã qua sử dụng, 02 đoạn dây ống nước bằng nhựa (01 đoạn dài 1,5m, 01 đoạn dài 1,6m).
- Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại hiệu Oppo gắn sim 0347.403.676 thu giữ từ Trần Văn L.
- Trả lại cho Đào Việt L3 01 điện thoại di động S A02S.

(Vật chứng được tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tam Kỳ theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản lập ngày 25/3/2024).

- Truy thu sung ngân sách nhà nước từ Trần Văn L số tiền 28.000đ.
- Tiếp tục lưu hồ sơ 01 đĩa DVD lưu trữ đoạn video liên quan đến vụ trộm cắp tài sản trên.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Trần Văn L phải chịu số tiền 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và số tiền 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (23/4/2024) để Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử theo trình tự phúc thẩm. Người tham gia tố tụng vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời gian 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Quốc Thiện

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh, thành phố;*
- *TAND tỉnh Quảng Nam;*
- *Chi cục THADS thành phố;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *Lưu hồ sơ vụ án; lưu án văn.*